

BIÊN BẢN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG

I. Thông tin công ty:

- Tên công ty: Công ty Cổ Phần Miền Đông.
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600256545 – ngày cấp: cấp lần đầu ngày 12/04/2006, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 07/01/2021 - Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

II. Thời gian và địa điểm tổ chức đại hội:

- Thời gian: 08h30, ngày 28 tháng 04 năm 2021.
- Địa điểm: Hội trường Trụ sở Công ty, đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

III. Thành phần tham dự đại hội:

- Ban tổ chức đại hội, Hội đồng quản trị.
- Các cổ đông và đại diện cổ đông.

IV. Nội dung và diễn biến đại hội:

1. Ông Thân Tuấn Bình – Ban tổ chức giới thiệu thành phần Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ông Trần Xuân Hưởng- Trưởng ban.
- Ông Nguyễn Cảnh Hưng -Thành viên.

2. Ông Trần Xuân Hưởng- Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông đọc biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội với kết quả kiểm tra như sau:

- Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết của công ty tại thời điểm đại hội: 407 người.
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm đại hội: 10.324.781 cổ phần.
- Tổng số cổ đông tham gia Đại hội: 16 người - đại diện nắm giữ 9.213.467 cổ phần, chiếm tỷ lệ 89,24% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết công ty.
- Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.

3. Ông Thân Tuấn Bình – Ban tổ chức giới thiệu thành phần tham dự đại hội và Đoàn chủ tịch:

***Thành phần tham dự đại hội:**

- Ông Võ Văn Lãnh : Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Đức Dũng : Thành viên HĐQT
- Ông Đỗ Việt Cường : Thành viên HĐQT
- Bà Lê Thị Quyết : Thành viên HĐQT
- Bà Phan Thị Thanh Xuân: Thành viên HĐQT

Và toàn thể cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty Cổ phần Miền Đông

*** Đoàn chủ tịch:**

- Ông Võ Văn Lãnh – Chủ tịch HĐQT : Chủ tọa
- Ông Lê Đức Dũng – Thành viên HĐQT, TGD : Thành viên
- Bà Lê Thị Quyết – Chủ tịch UBKT : Thành viên

4. Ông Võ Văn Lãnh-Chủ tọa cử thành phần Ban thư ký

- Bà Trần Thị Thu Huyền : Trưởng ban.
- Bà Trương Thị Anh Thương : Thành viên

5. Ông Võ Văn Lãnh-Chủ tọa đề cử thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua:

- Ông Trần Xuân Hưởng : Trưởng ban.
- Ông Nguyễn Cảnh Hưng : Thành viên.
- Bà Nguyễn Thị Hường : Thành viên
- Ông Lại Hữu Linh : Thành viên
- Ông Nguyễn Thành Đô : Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua:

- * Tỷ lệ cổ đông tán thành : 100 %.
- * Tỷ lệ cổ đông không tán thành : 0 %.
- * Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến : 0 %.

6. Ông Võ Văn Lãnh - Chủ tọa cuộc họp tuyên bố khai mạc cuộc họp.

7. Ông Thân Tuấn Bình – Ban tổ chức trình bày Quy chế tổ chức và Quy chế biểu quyết của Đại hội

Đại hội biểu quyết thông qua:

- * Tỷ lệ cổ đông tán thành : 100 %.
- * Tỷ lệ cổ đông không tán thành : 0 %.
- * Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến : 0 %.

8. Ông Võ Văn Lãnh – Chủ tọa đại hội thông qua nội dung chương trình họp của đại hội, gồm:

- Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021
- Tờ trình thông qua Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020
- Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021
- Tờ trình Kết quả hoạt động SXKD năm 2020
- Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
- Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021
- Tờ trình Thù lao HĐQT và BKS năm 2020 và kế hoạch thù lao HĐQT, UBKT và PTQTCT năm 2021
- Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh
- Tờ trình sửa đổi Điều lệ công ty theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
- Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
- Tờ trình thông qua Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của bà Phan Thị Thanh Xuân
- Thông qua Biên bản, Nghị quyết đại hội
- Tổng kết và bế mạc đại hội

Đại hội biểu quyết thông qua:

* Tỷ lệ cổ đông tán thành	:	100	%.
* Tỷ lệ cổ đông không tán thành	:	0	%.
* Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến	:	0	%.

9. Ông Võ Văn Lành- Chủ tịch HĐQT trình bày tóm tắt Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021

10. Ông Nguyễn Văn Vân – Kế toán trưởng Công ty trình bày Tờ trình thông qua BCTC kiểm toán năm 2020 (đọc tóm tắt ý kiến của kiểm toán)

11. Ông Lê Đức Dũng – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc công ty trình bày nội dung các Tờ trình:

11.1. Tờ trình thông qua Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020

11.2. Tờ trình thông qua Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021

11.3. Tờ trình thông qua Kết quả SXKD năm 2020 với các chỉ tiêu chính:

- Tổng doanh thu	:	270.761	tỷ đồng
- Tổng nộp ngân sách	:	17.391	tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	9.221	tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	8.750	tỷ đồng
- Giá trị đầu tư	:	19.923	tỷ đồng
- Thu nhập bình quân NLD/tháng	:	13.1	triệu đồng

11.4. Tờ trình thông qua Kế hoạch SXKD năm 2021 với các chỉ tiêu chính:

- Tổng doanh thu	: 504.200	tỷ đồng
- Tổng nộp ngân sách	: 24.500	tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	: 27.016	tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế	: 21.612	tỷ đồng
- Giá trị đầu tư	: 68.000	tỷ đồng
- Thu nhập bình quân NLD/tháng	: 14.9	triệu đồng

11.5. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:***Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020**

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.812.803.745		
1.1	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2020 chưa phân phối	8.750.112.858	100%	
1.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước để lại	2.062.690.887		
2	Trích lập các quỹ	2.800.036.000	32%	
2.1	<i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>2.362.530.000</i>	<i>27%</i>	
2.2	<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>437.506.000</i>	<i>5%</i>	
3	Thưởng Ban Điều hành	175.002.000	2%	
4	Thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	262.503.000	3%	
5	Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm chốt danh sách chia cổ tức	10.324.781		
6	Cổ tức năm 2020: 6% (600đ/CP)	6.194.868.600	71%	
7	Lợi nhuận còn lại để năm sau	1.380.394.145	13%	

***Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:**

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.992.394.145		
1.1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.612.000.000	100%	
1.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước để lại	1.380.394.145		
2	Trích lập các quỹ	6.915.840.000	32%	

2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	5.835.240.000	27%	
2.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.080.600.000	5%	
3	Thưởng Ban điều hành	432.240.000	2%	
4	Thù lao HĐQT, BKS	648.360.000	3%	
5	Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm chốt danh sách chia cổ tức	10.324.781		
6	Cổ tức năm 2021: 10% (1000đ/CP)	10.324.781.000	48%	
7	Ứng cổ tức năm 2021: 3% (300đ/CP)	3.097.434.300	14%	
8	Lợi nhuận còn lại để năm sau	4.671.173.145	22%	

11.6. Tờ trình Thù lao HĐQT và BKS năm 2020 và kế hoạch thù lao HĐQT, UBKT và PTQTCT năm 2021:

- Mức thù lao HĐQT và BKS năm 2020 là 3% lợi nhuận sau thuế.
- Kế hoạch thù lao HĐQT, UBKT, PTQTCT năm 2021 là 3% lợi nhuận sau thuế.

11.7. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá và lựa chọn 01 trong 02 công ty kiểm toán sau đây để thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:

1. Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

11.8. Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh

***Bổ sung ngành nghề kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh sau khi thay đổi:

ST T	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
2	Trồng cây cao su	0125
3	Trồng cây lâu năm khác	0129
4	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
5	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói, sét, kaolin, đá, sỏi, cấu kiện bê tông, kim khí, sắt, thép).	2392
6	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao: Đầu tư khai thác, sản xuất xi măng.	2394
7	Sản xuất máy chuyên dụng khác: Sản xuất vật tư, thiết bị.	2829
8	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
9	Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Đầu tư sản xuất kinh doanh: nước.	3600
10	Xây dựng nhà để ở	4101
11	Xây dựng nhà không để ở	4102

12	Xây dựng công trình đường bộ	4212
13	Xây dựng công trình điện	4221
14	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
15	Xây dựng công trình thủy	4291
16	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
18	Phá dỡ	4311
19	Chuẩn bị mặt bằng	4312
20	Lắp đặt hệ thống điện	4321
21	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
22	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
23	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
24	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
25	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa: Đại lý	4610
26	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn vật tư, thiết bị.	4659
27	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
28	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn vật liệu xây dựng, xi măng.	4663
29	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
30	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
31	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường thủy nội địa	5222
32	Bốc xếp hàng hóa: Bốc xếp hàng hoá cảng sông, đường bộ.	5224
33	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ cân ô tô.	5229
34	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, hệ thống điện, nước. Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà, văn phòng, mặt bằng.	6810
35	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Sản giao dịch bất động sản thực hiện các dịch vụ sau: Mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê mua bất động sản, tư vấn, quảng cáo, đấu giá, quản lý bất động sản.	6820
36	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn, giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp.	7110
37	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm vật liệu xây dựng	7120
38	Cho thuê xe có động cơ	7710
39	Trồng lúa	0111
40	Trồng cây hàng năm khác	0119
41	Trồng cây ăn quả	0121
42	Trồng cây điều	0123
43	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
44	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
45	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
46	Chăn nuôi gia cầm	0146
47	Chăn nuôi khác	0149
48	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
49	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

50	Khai thác và thu gom than bùn	0892
51	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
52	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
53	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
54	Sản xuất điện Chi tiết: Thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí, điện gió, điện mặt trời, điện khác	3511
55	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

11.9. Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

- Sửa đổi Điều lệ công ty lần thứ 7 ngày 28/04/2021 theo quy định tại TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

- Sửa đổi thẩm quyền của ĐHĐCĐ tại điểm d khoản 1 Điều 12 Điều lệ công ty: *“Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 51% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty”*

- Sửa đổi khoản 1 Điều 4 Điều lệ công ty:

“Ngành nghề kinh doanh của công ty là:”

ST T	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
2	Trồng cây cao su	0125
3	Trồng cây lâu năm khác	0129
4	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
5	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói, sét, kaolin, đá, sỏi, cấu kiện bê tông, kim khí, sắt, thép).	2392
6	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao: Đầu tư khai thác, sản xuất xi măng.	2394
7	Sản xuất máy chuyên dụng khác: Sản xuất vật tư, thiết bị.	2829
8	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
9	Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Đầu tư sản xuất kinh doanh: nước.	3600
10	Xây dựng nhà để ở	4101
11	Xây dựng nhà không để ở	4102
12	Xây dựng công trình đường bộ	4212
13	Xây dựng công trình điện	4221
14	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
15	Xây dựng công trình thủy	4291
16	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
18	Phá dỡ	4311
19	Chuẩn bị mặt bằng	4312
20	Lắp đặt hệ thống điện	4321
21	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
22	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

23	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
24	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
25	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa: Đại lý	4610
26	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn vật tư, thiết bị.	4659
27	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
28	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn vật liệu xây dựng, xi măng.	4663
29	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
30	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
31	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường thủy nội địa	5222
32	Bốc xếp hàng hóa: Bốc xếp hàng hoá cảng sông, đường bộ.	5224
33	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ cân ô tô.	5229
34	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, hệ thống điện, nước. Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà, văn phòng, mặt bằng.	6810
35	Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất: Sàn giao dịch bất động sản thực hiện các dịch vụ sau: Mua bán, chuyên nhượng, cho thuê, cho thuê mua bất động sản, tư vấn, quảng cáo, đầu giá, quản lý bất động sản.	6820
36	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn, giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp.	7110
37	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm vật liệu xây dựng	7120
38	Cho thuê xe có động cơ	7710
39	Trồng lúa	0111
40	Trồng cây hàng năm khác	0119
41	Trồng cây ăn quả	0121
42	Trồng cây điều	0123
43	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
44	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
45	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
46	Chăn nuôi gia cầm	0146
47	Chăn nuôi khác	0149
48	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
49	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
50	Khai thác và thu gom than bùn	0892
51	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
52	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
53	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
54	Sản xuất điện Chi tiết: Thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí, điện gió, điện mặt trời, điện khác	3511
55	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

11.10. Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

11.11. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

11.12. Tờ trình thông qua Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của bà Phan Thị Thanh Xuân, thời gian miễn nhiệm kể từ ngày 01/05/2021 và không bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024.

12. Đại hội tiến hành thảo luận

*Ý kiến cổ đông:

➤ Ý kiến 1 của cổ đông mã số MDC 06:

Trong Báo cáo của HĐQT và BCTC, vấn đề đầu tư thực hiện đền bù mở rộng mỏ đá là 15,7 thì được bao nhiêu ha. Năm 2021 dự kiến đền bù trong ranh mỏ và ngoài ranh mỏ là 48 tỷ đồng thì tổng đền bù được khoảng bao nhiêu ha.

Nguồn vốn thực hiện như thế nào để vừa đảm bảo SXKD vừa đáp ứng nhu cầu đầu tư

Mua cổ phiếu quỹ của công ty Miền Đông Hạ Tầng (MĐHT): hoạt động SXKD của MĐHT năm 2020 như thế nào và triển vọng trong những năm tới và công ty dự kiến mua bao nhiêu CPQ của MĐHT

Mục tiêu của 2021 sẽ tập trung đền bù mở rộng mỏ, đường vận chuyển Gò Cày dự kiến 15 tỷ đồng thì tiến độ đền bù như thế nào? 15 tỷ đồng là chi phí thi công hay chi phí đền bù? Năm 2021 có khả năng hoàn thành đền bù không?

Công nợ LDG: nợ tiền bảo hành chờ quyết toán hay nợ khối lượng thi công và khả năng thu hồi năm 2021 là như thế nào?

*Ý kiến trả lời của ông Lê Đức Dũng - TGD:

Đền bù mỏ đá 15,7 tỷ đồng tương ứng giá trị đền bù là 4,3ha. Đây là số ghi nhận có thể sang sổ công ty gồm trong và ngoài ranh mỏ

Kế hoạch đền bù năm 2021 38 tỷ đồng là không lớn vì nó được xây dựng trong khả năng tài chính của công ty.

Nguồn vốn SXKD làm sao hài hòa: nguồn vốn đầu tư chủ yếu dung từ Quỹ đầu tư phát triển và tiền vốn vay ngắn hạn từ tổ chức tín dụng. Năm nay đang tăng hạn mức vay và được ngân hàng chấp thuận. Hạn mức vay từ 50 lên 80 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh từ 30 lên 60 tỷ đồng. Nếu KP3 lô A hoàn thành nghiệm thu hạ tầng thì sẽ thu phần còn lại của các hộ dân và đưa vào kinh doanh 13 lô còn lại sẽ đóng góp một phần lớn cho nguồn vốn đầu tư cộng thêm việc kinh doanh 04 căn còn lại của chung cư Võ Đình.

Cổ phiếu quỹ MĐHT: MĐHT đang có dự án Thạnh Phú do nhà nước thu hồi đất. Sau giai đoạn 1 thì MĐHT không đủ khả năng thực hiện. GD 2 chỉ có 20% số vốn, còn lại huy động từ các cổ đông lớn. Nếu thực hiện xong bồi thường thì hiệu quả kinh doanh sẽ rất cao. Hoạt động SXKD của MĐHT năm 2020 vẫn không hiệu quả, tuy nhiên nợ các tổ chức tín dụng đã hoàn thành, chỉ vướng ở khiếu kiện đang kéo dài. Nếu MĐHT phát triển đúng hướng thì lợi thế rất lớn.

Công ty mua CPQ của MĐHT theo đúng tỷ lệ được phân phối của cổ đông hiện hữu.

Đường Gò Cày 15 tỷ cả đền bù và thi công. Để giải phóng mặt bằng cần 1,3 ha. Công ty đã bồi thường 3/5 hộ, phần còn lại khoảng 01ha liên quan đến 01 hộ dân nhưng đất chưa có sổ nên chưa thương thảo giá đền bù được. Giá bình quân đền bù không dưới 6 tỷ đồng/ha.

Công nợ LDG: 66,3 tỷ đồng bao gồm tiền quyết toán và bảo hành. Thời điểm này công ty đã có văn bản đôn đốc thu hồi công nợ và LDG có văn bản cam kết sẽ trả một phần trong tháng 5/2021.

13. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung của các báo cáo, tờ trình bằng cách bỏ phiếu biểu quyết.

14. Đại hội nghỉ giải lao

15. Ông Trần Xuân Hưởng – Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết thông qua nội dung các tờ trình, cụ thể như sau:

NỘI DUNG	Tỷ lệ tán thành	Tỷ lệ không tán thành	Tỷ lệ không ý kiến
Nội dung 1: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021	100%		
Nội dung 2: Tờ trình thông qua Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020	100%		
Nội dung 3: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán	100%		
Nội dung 4: Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021	100%		
Nội dung 5: Tờ trình thông qua kết quả SXKD năm 2020	100%		
5.1. Tổng doanh thu	100%		
5.2. Lợi nhuận sau thuế	100%		
5.3. Giá trị đầu tư	100%		
Nội dung 6: Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD năm 2021	100%		
6.1. Tổng doanh thu	100%		
6.2. Lợi nhuận sau thuế	100%		
6.3. Giá trị đầu tư	100%		
Nội dung 7: Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021	100%		
*Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020			

7.1. Trích lập các quỹ - Quỹ đầu tư phát triển: 27% - Quỹ khen thưởng phúc lợi: 5%	100%		
7.2. Thưởng Ban Điều hành: 2% LNST	100%		
7.3. Thù lao HĐQT, BKS năm 2020: 3% LNST	100%		
7.4. Mức cổ tức: 6%	99,84%		0,16%
*Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021	100%		
7.1. Trích lập các quỹ - Quỹ đầu tư phát triển: 27% - Quỹ khen thưởng phúc lợi: 5%	100%		
7.2. Thưởng Ban Điều hành: 2% LNST	100%		
7.3. Thù lao HĐQT, BKS năm 2020: 3% LNST	100%		
7.4. Mức cổ tức: 10%	100%		
Nội dung 8: Tờ trình thông qua mức thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch thù lao HĐQT, UBKT, PTQTCT năm 2021	100%		
Nội dung 9: Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh	100%		
Nội dung 10: Tờ trình sửa đổi Điều lệ công ty theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020			
Nội dung 11: Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020	100%		
Nội dung 12: Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020	100%		
Nội dung 13: Tờ trình thông qua Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của bà Phan Thị Thanh Xuân	100%		

Đại hội kết thúc vào lúc 11h00 cùng ngày.

Biên bản này được thư ký đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực và được đọc lại trước đại hội và được tất cả cổ đông tham dự đại hội nhất trí thông qua.

TM.BAN THƯ KÝ

Trần Thị Thu Huyền

CHỦ TỌA

Võ Văn Lãnh

